

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

**Bản án số: 05/2021/HS-ST
Ngày: 28-10-2021**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Văn Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Hữu Nhân

2/ Ông Lê Minh Chiến

- Thư ký phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Thu – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2021/TLST- HS ngày 04 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 10 năm 2021, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Thu M; Sinh năm 1994; tại: huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam; Nơi đăng ký HKTT: Làng Q, xã S, huyện K, tỉnh Gia Lai; Nơi cư trú: thôn B, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định; Nghề nghiệp: Thợ thủ công; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm: 1964 và bà Võ Thị N, sinh năm 1965; chồng tên Nguyễn Trịnh N, sinh năm 1982; con: có 02 người lớn sinh năm 2018 nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt.

* *Người bị hại:* Chị Đặng Thị Thúy K, sinh năm: 1986 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: số nhà 355 đường H, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1950 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn B, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 02/6/2021, Nguyễn Thị Thu M điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 77F1 – 371.04 (của cha chồng Nguyễn Văn Đ) để đi mua trà sữa.

Khi đến phường Đ, thị xã A, M thấy quán trà sữa của chị Trần Thị Thúy K, ở số nhà 335 Hồng Lĩnh, phường Đập Đá, thị xã A, tỉnh Bình Định mở cửa nên vào mua. Lúc này, M đứng ngoài vỉa hè gọi vào trong nhà, nhưng không thấy ai trả lời, M nhìn vào trong nhà thì phát hiện có 01 điện thoại di động hiệu OPPO RENO 2F đang cắm sạc vào 01 pin sạc dự phòng hiệu AUKEY của chị K để trên nền nhà giữa phòng khách, nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Lúc này, M quan sát thấy không có người, nên M đã lén lút vào trong nhà, lấy trộm điện thoại, pin sạc và dây sạc giấu trong áo khoác của mình, rồi lên ra ngoài điều khiển xe mô tô về nhà. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, M lấy điện thoại vừa trộm được ra sử dụng, nhưng vì điện thoại bị khóa, nên M đã ném điện thoại vào tường nhà làm hư hỏng tài sản.

Tại bản kết luận định giá số 141 ngày 18/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã A, thì 01 điện thoại di động hiệu OPPO RENO 2F, đã qua sử dụng trị giá: 3.500.000 đồng; 01 pin sạc dự phòng hiệu AUKEY, dung lượng 20.000mAh, trị giá 200.000 đồng; 01 dây cáp sạc loại TypeC dài 01m, trị giá 20.000 đồng. Tổng tài sản bị chiếm đoạt là: 3.720.000 đồng.

Về vật chứng vụ án: 01 điện thoại di động hiệu OPPO RENO 2F đã bị hư hỏng; 01 pin sạc dự phòng hiệu AUKEY dung lượng 20.000mAh và 01 dây cáp sạc loại TypeC dài 01m, đã trả lại cho bị hại; Xe mô tô biển kiểm soát 77F1 – 371.04, đã trả lại cho chủ sở hữu; 01 đĩa CD có lưu trữ đoạn video được trích xuất từ camera gia đình ghi lại một phần diễn biến việc Nguyễn Thị Thu M đột nhập vào nhà chị K để trộm cắp, hiện được lưu giữ cùng hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo cùng gia đình đã thỏa thuận bồi thường cho bị hại 6.000.000 đồng, đã được bị hại bãi nại về dân sự.

Tại bản cáo trạng số: 45/CT-VKSAN ngày 29/9/2021, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thu M về tội “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa vị đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã A vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu M từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo cùng gia đình và bị hại đã thỏa thuận bồi thường xong, nên miễn xét.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu lưu hồ sơ vụ án 1 đĩa CD bên trong lưu trữ 01 đoạn video ghi lại một phần diễn biến vụ trộm cắp tài sản.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị Thu M khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với nội dung của bản cáo trạng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố Tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp, đúng quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Thu M khai nhận: Lợi dụng sơ hở của người bị hại trong việc quản lý tài sản nên vào khoảng 12 giờ ngày 02/6/2021 bị cáo đã lén lút vào bên trong nhà chị Trần Thị Thúy K trộm cắp 01 điện thoại di động hiệu OPPO RENO 2F, 01 pin sạc dự phòng hiệu AUKEY, dung lượng 20.000mAh và 01 dây cáp sạc loại TypeC dài 01m. Mục đích trộm cắp là để tiêu xài cá nhân.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, tang vật vụ án và các tài liệu chứng cứ khác mà Cơ quan điều tra đã thu thập nên HĐXX có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Thị Thu M đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của chị Trần Thị Thúy K. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 141 ngày 18/9/2021 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thì tài sản mà bị cáo M chiếm đoạt có giá trị 3.720.000đ nên Viện kiểm sát nhân dân thị xã A truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thu M phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[4] Bị cáo Nguyễn Thị Thu M là một công dân đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi để biết rằng hành vi trộm cắp tài sản người khác là trái pháp luật. Vì mục đích tiêu xài cá nhân bị cáo đã lợi dụng người bị hại chủ quan, sơ hở trong việc quản lý tài sản bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của họ. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn xâm hại đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương, nên cần phải xử phạt thật nghiêm bằng pháp luật hình sự tương xứng với hành vi và hậu quả mà bị cáo gây ra.

[5] Bị cáo Nguyễn Thị Thu M được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo và gia đình đã thỏa thuận bồi thường xong cho người bị hại và được người bị hại bãi nại về dân sự. Hơn nữa, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, hiện đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần cách ly bị cáo ra ngoài xã hội mà để bị cáo tự cải tạo ở địa phương cũng đủ răn đe và giáo dục bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo cùng gia đình và người bị hại đã thỏa thuận bồi thường xong, nên miễn xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự, tuyên tịch thu lưu hồ sơ vụ án 1 đĩa CD bên trong lưu trữ 01 đoạn video ghi lại một phần diễn biến vụ trộm cắp tài sản.

[8] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị Thu M phải chịu theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

* Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thu M phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu M 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Thu M cho UBND xã Nhơn Hậu, thị xã A, tỉnh Bình Định giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu M do bị cáo không có thu nhập ổn định.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Thị Thu M thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 100 Luật thi hành án hình sự.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo cùng gia đình và người bị hại đã thỏa thuận bồi thường xong, nên miễn xét.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự, tuyên tịch thu lưu hồ sơ vụ án 1 đĩa DVD bên trong lưu trữ 01 đoạn video ghi lại một phần diễn biến vụ trộm cắp tài sản.

* Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị Thu M phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn) đồng.

* Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, nếu không đồng ý một phần hoặc toàn bộ bản án có quyền kháng cáo lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người bị hại chị Đặng Thị Thúy K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đồng vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

“Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Định;
- VKSNDTX. A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Công an TX. A;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Thái Văn Hà

